**THÔNG TIN KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN HỘI A**

**Tên KCN**

|  |  | **Tiêu chí** | **KCN NHƠN HỘI A** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** |  | **Thông tin về KCNA** |  |
|  | 1 | Vị trí địa lý | KCN Nhơn Hội A nằm trong Khu kinh tế Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  Cách thủ đô Hà Nội: 1.065km; Cách TP HCM: 686km  Khoảng cách từ KCN đến trung tâm TP Quy Nhơn: 6km  Diện tích KCN A: 630ha (trong đó, 394 ha là đất công nghiệp và 236 ha là đất ở đô thị) |
| 2 | Đường bộ | + QL 1A đi Hà Nội - TP. HCM  + QL 19 đi Tây Nguyên, Lào, Campuchia  + QL 1D: cửa ngõ ra vào phía Tây Tp. Quy Nhơn  + QL 19B: tuyến đường trục kết nối trực tiếp từ KCN |
| 3 | Đường sắt | - Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc Nam  - Cách ga Diêu Trì *(1 trong 10 ga lớn của Việt Nam)*: 15km |
| 4 | Cảng biển |  |
|  |  | Cảng hiện tại | Cảng Quy Nhơn |
| Khoảng cách đến KCN Nhơn Hội – Khu A | 8km/ 8 phút |
| Chiều rộng đường bộ đến cảng/ Số làn xe | 30 m/ 4 làn |
| Mớn nước tàu ra vào cảng | -13,8m |
| Trọng tải tàu tiếp nhận được | Đến 70.000 DWT |
| Lượng hàng qua cảng | 8-13 triệu tấn/năm |
| Loại hàng | Hàng bao, Hàng rời, hàng container |
| Tổng số cầu cảng/ Chiều dài | 7 cầu cảng/1.069m |
| Diện tích khu cảng | 52.26 ha |
| Khu nước trước bến | >30 ha |
| Diện tích kho bãi trong khu cảng | 31.16 ha |
| Sức chứa | Trên 250.000 MT |
| Bãi hàng container | 80.000m2 |
| Các hãng tàu | MCC, Samudera, ACL, Biển Đông, CMA-CGM, MSC, Vinalines, GMD, Cosco, ViPetsun |
| Các hãng container | APL, Biển Đông, CMA-CGM, Cosco, Samudera, Evergreen, Gemadept, Heung-A, Huyndai, HanJin, Hapaglloyd, Kliens, Mol, MSC, Mearsk, Nyk, OOCL, PIL, Vinalines, Wanhai, Yangming, Zim, UASC |
|  | 5 | Đường Hàng Không | - Cách sân bay Phù Cát : 30km  - Các hãng Hàng không: VietNam Airline, VietJet Airline, Jestar Airline  - Các chuyến bay hàng ngày:TP HCM ⮀ Quy Nhơn: 14 chuyến/ngày  Hà Nội ⮀ Quy Nhơn: 10 chuyến/ngày  Hải Phòng ⮀ Quy Nhơn: 1 chuyến/ngày  Korea ⮀ Quy Nhon |
|  | 6 | Nguồn lao động | - Dân số tỉnh Bình Định: 1,6 triệu người, số người trong độ tuổi lao động chiếm 55%.  - Lực lượng lao động khoảng: 900.000 người, trong đó:  + Lao động kỹ thuật khoảng: 50.000 người,  + Lao động có trình độ Cao đẳng, Đại học: 80.000 người  - Nguồn lao động dồi dào, cung cấp nhiều lao động có tay nghề cho thị trường lao đông Bình Định và xuất khẩu lao động các ngành: may mặc, chế biến nông lâm thủy sản, điện tử,..…  - Mức lương tối thiểu: vùng III |
| **2** |  | **Cơ sở hạ tầng KCNA** |  |
|  | 1 | Đất nền | - Nền cát đồng nhất; Độ cao san nền so với mực nước biển 14m không bị ngâp lụt và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu  - Sức chịu tải của nền khoảng 20 tấn/m2 *(2kg/cm2)*  - Diện tích mặt bằng đã san lấp sẵn có, có thể giao ngay cho nhà đầu tư sau khi ký hợp đồng. |
| 2 | Hệ thống giao thông | - Kết cấu đường bê tông nhựa nóng và bê tông xi măng.  - Đường chính *(65m-80m).*  - Đường nội bộ gồm có 65m, 45m, 29m, 27m, 20m với tổng chiều dài khoảng 30km. |
| 3 | Hệ thống cấp điện | - Trạm biến áp 110/22KV công suất 2x63 MVA Nhơn Hội 1.  - Đường dây cấp điện 22 KV đến chân hàng rào nhà máy.  - Tại lô đất của Nhà đầu tư được lắp đặt Trạm biến áp theo nhu cầu phụ tải của Nhà đầu tư, do Điện lực Bình Định đầu tư.  - Điện chiếu sáng đường giao thông. |
| 4 | Hệ thống cấp nước | - Trạm bơm tăng áp giai đoạn 1 có công suất 24.000m3 /ngày đêm; Giai đoạn 2 công suất 100.000m3/ngày đêm.  - Đường ống cấp nước đến chân hàng rào lô đất của Nhà đầu tư.  - Trụ cứu hỏa lắp đặt theo các tuyến đường trong KCN. |
| 5 | Hệ thống thoát nước mưa | Đường ống thu nước mặt theo các tuyến đường trong KCN |
| 6 | Hệ thống thoát nước thải | Đường ống thu nước thải D=300 đến D=600 dẫn đến Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Hội. |
| 7 | Hệ thống cây xanh | Vườn hoa, Cây xanh chiếm 15% diện tích đất KCN |
| 8 | Hệ thống viễn thông | Nhiều lọai hình dịch vụ và phục vụ theo yêu cầu |
| 9 | Hệ thống xử lý nước thải/rác thải | - Xử lý nước thải: Nước thải sản xuất, sinh hoạt của Nhà đầu tư phải được xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào Hệ thống thoát nước thải của KCN và dẫn đến khu xử lý nước thải của KKT. Nhà đầu tư ký hợp đồng xử lý nước thải với Ban Quản lý KKT.  - Nhà đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, và xử lý rác thải. |
| **3** |  | **Các chính sách ưu đãi** |  |
|  | 1 | Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp | Đối với tất cả các dự án đầu tư:  - Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:  + 4 năm đầu kể từ khi dự án có thu nhập: miễn thuế hoàn toàn  + 9 năm tiếp theo: giảm 50%  - Sau thời gian ưu đãi: Áp dụng theo mức thuế suất hiện hành theo quy định của Nhà nước |
| 2 | Miễn thuế Nhập khẩu | - Miễn thuế Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.  - Miễn thuế nhập khẩu 5 năm cho những nguyên liệu mà trong nước chưa có hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn |
| **4** |  | **Giá và cước phí dịch vụ** |  |
|  | 1 | Giá cho thuê lại đất | Theo chính sách giá do Công ty ban hành theo từng thời điểm.  Tùy thuộc vào địa điểm, quy mô, tính chất của dự án và sẽ thỏa thuận với nhà đầu tư khi thuê đất. |
|  | 2 | Thời gian thuê lại đất | 50 năm *(kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất)* |
| 3 | Phí duy tu bảo dưỡng CSHT | 0,2 USD/m2/năm *(chưa VAT)*  *(Miễn 1 năm đầu, thu từ năm thứ 2 kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất)* |
| 4 | Giá điện | Theo biểu giá của EVN áp dụng trên toàn quốc.  Giờ thấp điểm: 1.241 đồng/kWh*(22h-4h)*  Giờ cao điểm: 3.474 đồng/kWh*(9h30-11h30 &17h-20h từ thứ 2 đến thứ 7)*  Giờ bình thường: 1.896 đồng/kWh *(các giờ khác trong ngày)*  Giá trên chưa bao gồm VAT. |
| 5 | Giá nước | Giá do UBND tỉnh Bình Định ban hành, tham khảo ở thời điểm hiện tại.  Năm 2024: 15.800 đ/m3 *(chưa VAT)* |
| 6 | Phí xử lý nước thải | Theo cấp độ nước thải đầu vào:  COD ≤ 75: 5.121đ/m3  COD ≤ 150: 6.091đ/m3  151 ≤ COD ≤ 200: 10.446 đ/m3  201 ≤ COD ≤ 300: 15.669 đ/m3  301 ≤ COD ≤ 400: 20.892 đ/m3  401 ≤ COD ≤ 600: 31.338 đ/m3  COD > 600: 41.784 đ/m3  Giá do UBND tỉnh Bình Định ban hành, tham khảo ở thời điểm hiện tại. |
| 7 | Cước phí dịch vụ phụ  *(điện thoại, fax, internet…)* | Theo quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ |
| **5** |  | **Dịch vụ liên quan** |  |
|  | 1 | Hải quan | Cục Hải quan Bình Định *(Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Quy nhơn)* |
| 2 | Ngân hàng | Có thể giao dịch tại tất cả các hệ thống ngân hàng tại TP Quy Nhơn. |
| 3 | Bệnh viện | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, (Cách KCN 10km)  Bệnh viện Đa khoa Quy Nhơn, (Cách KCN 8km)  Bệnh viện quân y 13, (Cách KCN 12km)  Bệnh viện lao và bệnh phổi Bình Định, (Cách KCN 13km)  Bệnh viện Mắt Bình Định, (Cách KCN 11km)  Bệnh viện Da liễu, (Cách KCN 13km)  Trung tâm Chỉnh hình và phục hồi chức năng, v.v. (Cách KCN 12km) |
| 4 | Trường Đại học | Có 03 trường đại học: Đại học Quy Nhơn, Đại học FPT, Đại học Quang Trung |
| 5 | Trường cao đẳng/trung cấp nghề | Có 03 trường cao đẳng và các trường trung cấp nghề. |
| 6 | Điểm cấp C/O của VCCI | - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI đặt điểm cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa *(C/O)* tại Tp Quy Nhơn.  - BQLKKT *(form D)* |
| **6** |  | **Quy trình đầu tư** | - Nhà đầu tư khảo sát và chọn vị trí lô đất  - Hai bên ký Thỏa thuận thuê lại đất và đặt cọc tiền thuê đất.  - Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp tại BQL KKT tỉnh Bình Định.  - Hai bên ký kết Hợp đồng thuê lại đất và thanh toán số tiền thuê đất còn lại.  - Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng để triển khai xây dựng nhà máy. |
| **7** |  | **Ngành nghề thu hút đầu tư** | - Nhóm ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.  - Nhóm ngành công nghiệp dược phẩm, thực phẩm, công nghệ cao.  - Nhóm ngành công nghiệp xây dựng, thiết kế nội - ngoại thất.  - Nhóm ngành công nghiệp phụ trợ; May mặc; Điện tử.  - Nhóm ngành dịch vụ. |
| **8** |  | **Các nhà đầu tư tiêu biểu** | - Công ty Marubeni Lumber - Nhật Bản  - Công ty TNHH B & D Lingerie Việt Nam  - Công ty CP sản xuất đầu tư dịch vụ Long Vạn Phát  - Công ty TNHH Tingco Bình Định  - Công ty TNHH Tân Đại Hưng  - Công ty TNHH Thiên Bắc  - Công ty CP đồ gỗ cao cấp Thiện Tâm  - Công ty TNHH Moveo Bình Định  - Công ty TNHH SaiGon Rise  - Công ty TNHH Tổng hợp Tân Đại Nam  - Công ty TNHH Đức Toàn Bình Định  - Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn- Quy Nhơn (SQC)  - Công ty TNHH thuỷ sản An Hải  - Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định  - Công ty Đầu tư Kỹ thuật Dược Bình Định  - Công ty TNHH In & Bao bì Eco Nhơn Hội  - Công ty TNHH Dpack  - Công ty CP bê tông Nhơn Hội  - Công ty Công nghệ mới Thiên Phúc  - Công ty TNHH Bảo Phát Glass  - Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Bình Định  - Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu VTSTONE  - Công ty TNHH Quốc tế Lehome  - Công ty TNHH Aluminum Đại Thành  - ……. |

Khu Công nghiệp Nhơn Hội – Khu A rất hân hạnh đón tiếp Quý nhà đầu tư đến tham quan và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại KCN trong thời gian đến.

Trân trọng./.